

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Số 37, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

	Chức vụ
Ông Đinh Văn Tông	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Phán	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Như Lâm	Ủy viên
Ông Vũ Văn Thiều	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Văn Thiều	Tổng Giám đốc
Bà Lê Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Văn Thiều
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Số: 055 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20/3/2014, từ trang 03 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0517-2013-156-1



Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0917-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		27.990.121.163	22.393.151.698
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	21.264.236.503	18.005.490.451
1. Tiền	111		3.774.236.503	1.345.490.451
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.490.000.000	16.660.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.362.756.332	1.845.061.133
1. Phải thu khách hàng	131	6	3.474.232.752	1.542.858.822
2. Trả trước cho người bán	132		222.400.000	205.962.171
3. Các khoản phải thu khác	135		666.123.580	96.240.140
III. Hàng tồn kho	140	7	1.507.315.624	2.322.742.580
1. Hàng tồn kho	141		1.853.173.562	2.322.742.580
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(345.857.938)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		855.812.704	219.857.534
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		128.631.976	110.339.103
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		492.957.674	10.518.431
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		197.930.000	99.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		58.667.654.839	59.987.661.143
I. Tài sản cố định	220		57.177.581.741	59.436.504.018
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	57.177.581.741	59.436.504.018
- Nguyên giá	222		88.089.541.925	91.650.708.726
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.911.960.184)	(32.214.204.708)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.490.073.098	551.157.125
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.490.073.098	551.157.125
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		86.657.776.002	82.380.812.841

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÁU SỐ B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		19.873.992.872	11.513.839.613
I. Nợ ngắn hạn	310		19.786.720.144	11.491.421.431
1. Phải trả người bán	312	10	3.990.692.973	1.467.243.509
2. Người mua trả tiền trước	313		64.535.324	52.734.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	9.878.606.355	5.741.337.280
4. Phải trả người lao động	315	12	1.287.432.182	949.243.636
5. Chi phí phải trả	316		175.756.255	196.126.005
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	3.800.037.680	2.410.479.508
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		589.659.375	674.257.375
II. Nợ dài hạn	330		87.272.728	22.418.182
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		87.272.728	22.418.182
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	14	66.783.783.130	70.866.973.228
I. Vốn chủ sở hữu	410		66.783.783.130	70.866.973.228
1. Vốn điều lệ	411		57.029.400.000	57.029.400.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.932.018.600	3.472.018.600
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.104.538.136	2.642.580.909
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.717.826.394	7.722.973.719
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		86.657.776.002	82.380.812.841
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2013	01/01/2013
1. Ngoại tệ (USD)			2.479,67	2.564,63



Vũ Văn Thiều
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 02 - DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	52.418.146.077	47.892.694.992
2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	16	29.565.282.863	28.114.020.033
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=01-11)	20		22.852.863.214	19.778.674.959
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.400.584.917	3.417.164.397
5. Chi phí tài chính	22		-	312.708
6. Chi phí bán hàng	24		2.117.694.900	2.087.270.903
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	9.239.360.160	9.674.389.968
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		12.896.393.071	11.433.865.777
9. Thu nhập khác	31		4.724.336.715	4.903.521.518
10. Chi phí khác	32		13.762.326.703	4.129.337.136
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40	20	(9.037.989.988)	774.184.382
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.858.403.083	12.208.050.159
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	1.140.038.577	2.976.333.533
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		2.718.364.506	9.231.716.626
15.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
15.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty	62		2.718.364.506	9.231.716.626
16. Lợi trên cổ phiếu	70	22	477	1.619



Vũ Văn Thiều
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 03 - DN/HN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	56.912.835.220	62.403.500.751
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(20.240.671.806)	(15.188.135.461)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(11.550.976.586)	(17.933.721.171)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(7.205.780.148)	(4.711.280.277)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	4.885.997.631	77.062.956
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(14.109.755.099)	(2.669.620.326)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.691.649.212	21.977.806.472
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.339.037.000)	(863.891.718)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	161.444.000
3. Tiền chi cho vay, mua sắm công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(246.280.239)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.426.650.000	3.308.142.225
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	87.613.000	2.359.414.268
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.521.185.800)	(18.244.374.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.521.185.800)	(18.244.374.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	3.258.076.412	6.092.845.940
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	18.005.490.451	11.908.879.632
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	669.640	3.764.879
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	21.264.236.503	18.005.490.451



Vũ Văn Thiệu
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 05/07/2005 và các Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần sửa đổi.

Vốn điều lệ: 57.029.400.000 đồng.

Danh sách cổ đông:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1.	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	1.634.114	16.341.140.000
2.	Các cổ đông khác	4.068.826	40.688.260.000

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 299 người, tại ngày 31/12/2012 là 332 người.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Công ty có 2 chi nhánh như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc - Trung tâm thời trang TEXTACO
Địa chỉ chi nhánh: Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc - Xí nghiệp Xây dựng
Địa chỉ chi nhánh: Số 79 Phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Thông tin về Công ty con:

- Công ty TNHH Một thành viên Vải sợi may mặc miền Bắc II
Địa chỉ: Số 51 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản;
- Buôn bán hàng tiêu dùng;
- Xây dựng, kinh doanh dịch vụ kho, nhà xưởng, văn phòng làm việc;
- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt, may, bông, vải, sợi, thuốc nhuộm, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), hàng đồ da và giả da, hàng điện máy, nguyên liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị, nông lâm sản, thực phẩm, thủy sản, vật liệu xây dựng, giấy và văn phòng phẩm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con và công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 06
Tài sản cố định khác	04 - 10

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào công ty con này.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm bao gồm chi phí sửa chữa; công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	455.722.829	228.759.981
Tiền gửi ngân hàng	3.318.513.674	1.116.730.470
Các khoản tương đương tiền (i)	17.490.000.000	16.660.000.000
	21.264.236.503	18.005.490.451

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Tuấn Phong	1.887.994.862	648.876.008
Cơ sở Bùi Đình Hợp	328.485.454	243.805.278
Công ty TNHH TM XNK Hiệp Minh Phát	414.076.104	327.900.874
Công ty TNHH thời trang D.E.S	125.628.800	-
Phạm Thị Kim Oanh	114.963.200	-
Các khách hàng khác	603.084.332	322.276.662
	3.474.232.752	1.542.858.822

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên vật liệu	40.297.897	35.408.581
Công cụ, dụng cụ	2.849.046	13.220.801
Thành phẩm	257.832.219	897.311.297
Hàng hóa	1.552.194.400	1.376.801.901
Cộng	1.853.173.562	2.322.742.580
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(345.857.938)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.507.315.624	2.322.742.580

Trong năm 2013, Công ty con trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09-DN/HN

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị: VND
						Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	78.734.753.635	6.859.739.325	2.835.215.705	608.493.269	2.612.506.792	91.650.708.726
Mua trong năm	-	-	-	-	1.217.306.363	1.217.306.363
Xây dựng cơ bản hoàn thành						-
Giảm trong năm	180.086.564	3.928.384.666	-	499.418.229	170.583.705	4.778.473.164
Thanh lý nhượng bán		1.355.166.010				1.355.166.010
Giảm khác (i)	180.086.564	2.573.218.656	-	499.418.229	170.583.705	3.423.307.154
Tại ngày 31/12/2013	78.554.667.071	2.931.354.659	2.835.215.705	109.075.040	3.659.229.450	88.089.541.925
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	21.024.204.822	6.850.845.902	2.108.178.490	514.064.739	1.716.910.755	32.214.204.708
Khấu hao trong kỳ	2.775.937.272	8.893.423	191.924.839	43.687.185	354.382.518	3.374.825.237
Giảm trong năm	161.237.839	3.928.384.666	-	448.676.884	138.770.372	4.677.069.761
Thanh lý nhượng bán		1.355.166.010				1.355.166.010
Giảm khác (i)	161.237.839	2.573.218.656	-	448.676.884	138.770.372	3.321.903.751
Tại ngày 31/12/2013	23.638.904.255	2.931.354.659	2.300.103.329	109.075.040	1.932.522.901	30.911.960.184
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	54.915.762.816	-	535.112.376	-	1.726.706.549	57.177.581.741
Tại ngày 01/01/2013	57.710.548.813	8.893.423	727.037.215	94.428.530	895.596.037	59.436.504.018

Ghi chú: (i) Giảm khác trong năm là do Công ty ghi giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của những tài sản cố định hữu hình không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 8.139.047.021 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013 VND
Số dư đầu năm	551.157.125
Tăng trong năm	1.696.382.923
Phân bổ vào chi phí trong năm	(757.466.950)
Số dư cuối năm	1.490.073.098

Chi tiết nội dung số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Năm 2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.335.682.990	304.201.792
Giá trị công cụ dụng cụ phân bổ	7.949.335	246.955.333
Chi phí khác	146.440.773	-
Tổng	1.490.073.098	551.157.125

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty TNHH Kinh doanh XNK Vải sợi Phú Lộc	3.735.563.790	1.317.361.466
Công ty TNHH Thiết bị PCCC Gia Lâm	93.045.600	93.045.600
Các khách hàng khác	162.083.583	56.836.443
Tổng	3.990.692.973	1.467.243.509

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	169.243.286	133.249.776
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.583.302.328
Tiền thuê đất	9.679.570.338	-
Thuế thu nhập cá nhân	29.792.731	24.785.176
Tổng	9.878.606.355	5.741.337.280

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư phải trả người lao động cuối năm là lương tháng 12, 13 năm 2013 của cán bộ công nhân viên trong Công ty chưa chi trả hết tại ngày 31/12/2013.

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nhận tiền đặt cọc dịch vụ cho thuê kho xưởng	2.102.434.362	1.958.628.000
Kinh phí công đoàn	63.534.970	58.172.723
Tài sản thừa chờ giải quyết	12.363.061	12.363.061
Các khoản phải trả khác	1.621.705.287	381.315.724
Tổng	3.800.037.680	2.410.479.508

MẪU B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	57.029.400.000	2.762.901	2.124.196.508	1.483.661.313	26.963.869.879	87.603.890.601
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.231.716.626	9.231.716.626
Tăng trong năm	-	4.204.081	1.347.822.092	1.347.822.092	-	2.699.848.265
Giảm trong năm	-	(6.966.982)	-	(188.902.496)	(28.472.612.786)	(28.668.482.264)
Số dư tại ngày 01/01/2013	57.029.400.000	-	3.472.018.600	2.642.580.909	7.722.973.719	70.866.973.228
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.718.364.506	2.718.364.506
Trích quỹ trong kỳ (i)	-	-	460.000.000	461.957.227	-	921.957.227
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ (i)	-	-	-	-	(7.723.511.831)	(7.723.511.831)
Số dư tại ngày 31/12/2013	57.029.400.000	-	3.932.018.600	3.104.538.136	2.717.826.394	66.783.783.130

Ghi chú: (i) Theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 ngày 25/04/2013, lợi nhuận sau thuế năm 2012 được dùng để trích Quỹ Đầu tư phát triển 460.000.000 đồng, Quỹ Dự phòng tài chính 461.585.831 đồng, Quỹ Khen thưởng Phúc lợi 1.000.000.000 đồng, mức chi cổ tức 2012 là 20% trên mệnh giá cổ phiếu, Quỹ Phúc lợi 100.000.000 đồng, Quỹ Khen thưởng của Ban điều hành 100.000.000 đồng, tạm ứng cổ tức năm 2013 với tỷ lệ là 10% trên mệnh giá cổ phiếu. Đến ngày 31/12/2013, cổ tức đã chi tạm ứng là 5.701.926.000 đồng.

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	31/12/2013		01/01/2013	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	16.341.140.000	-	16.341.140.000	-
Vốn góp của các cổ đông	40.688.260.000	-	40.688.260.000	-
Tổng cộng	57.029.400.000	-	57.029.400.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.777.822.173	28.678.737.028
Doanh thu bán hàng	21.404.523.904	18.043.801.600
Doanh thu khác	235.800.000	1.170.156.364
Tổng	52.418.146.077	47.892.694.992

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.634.774.811	11.174.795.609
Giá vốn hàng bán	20.930.508.052	16.939.224.424
Tổng	29.565.282.863	28.114.020.033

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.564.244.736	4.298.701.028
Chi phí nhân công	15.334.499.336	7.359.421.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	803.676.419	1.803.645.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.016.719.002	2.447.392.362
Chi phí khác bằng tiền	8.410.970.125	1.946.855.819
Tổng	37.130.109.618	17.856.016.498

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.135.415.277	2.138.520.335
Cổ tức, lợi nhuận được chia	264.500.000	1.246.018.834
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	669.640	28.860.349
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.764.879
Tổng	1.400.584.917	3.417.164.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.359.214	271.234.993
Chi phí nhân công	4.831.076.076	5.263.666.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.930.590	75.023.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.269.159.951	1.741.826.140
Chi phí khác bằng tiền	2.066.834.329	2.322.638.472
Tổng	9.239.360.160	9.674.389.968

20. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu từ lợi thế thương mại khu số 4, 352 Giải Phóng	-	500.000.000
Thu nhập dịch vụ trông xe, tiền điện	4.129.375.347	4.152.687.781
Thu nhập khác	594.961.368	250.833.737
Thu nhập khác	4.724.336.715	4.903.521.518
Tiền thuê đất nộp bổ sung năm 2011, 2012	8.911.959.144	
Tiền điện	3.787.144.600	
Chi phí khác	1.063.222.959	4.129.337.136
Chi phí khác	13.762.326.703	4.129.337.136
Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động khác	(9.037.989.988)	774.184.382

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	3.858.403.083	12.208.050.159
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.036.161.199	(637.589.910)
- Giảm: Doanh thu không chịu thuế	-	1.097.133.713
- Tăng: Chi phí không được tính thuế	1.036.161.199	459.543.803
Thu nhập chịu thuế, trong đó:	4.894.564.282	11.570.460.249
+ Thu nhập chịu thuế công ty mẹ	4.560.154.310	11.905.334.133
+ Thu nhập chịu thuế công ty con	(608.513.798)	(334.873.884)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, trong đó:	1.140.038.577	2.976.333.533
+ Thuế thu nhập hiện hành công ty mẹ	1.140.038.577	2.976.333.533
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành công ty con	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.140.038.577	2.976.333.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)

Ngoại trừ khoản chi phí không tính thuế nêu trên, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.718.364.506	9.231.716.626
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	5.702.940	5.702.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	477	1.619
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

23. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tiền cho Ông Vũ Văn Thiệu thuê nhà	22.363.632	-
Trả cổ tức cho các cổ đông	5.701.926.000	18.176.706.600

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lương và thu nhập khác	1.221.033.710	1.431.262.242

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty có các hợp đồng thuê đất của Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất Hà Nội về việc thuê đất tại số 352 Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân thuê trong vòng 50 năm từ năm 2004; thuê tại số 79A Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng trong vòng 30 năm từ năm 2003; thuê tại Đức Giang, quận Long Biên trong vòng 30 năm từ năm 2004.

Công ty có thực hiện ký hợp đồng thuê nhà đất với Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội về việc thuê văn phòng tại địa chỉ số 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Theo đó, thời hạn thuê từ ngày 01/01/2009 đến ngày 01/01/2014 với tổng tiền thuê nhà một tháng là 86.507.400 đồng.

Hợp đồng thuê nhà số 116 ngày 06/04/2012 và phụ lục điều chỉnh hợp đồng thuê nhà số 313 ngày 31/12/2012 ký với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà thành phố Hồ Chí Minh, thời gian thuê nhà là 01 năm từ ngày 01/01/2013 đến hết ngày 31/12/2013, giá tiền thuê nhà hàng tháng là 60.000.000 đồng/tháng. Tiền thuê nhà được thanh toán 3 tháng/1 lần trong vòng 30 ngày của tháng đầu quý tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	21.264.236.503	18.005.490.451
Nợ thuần	(21.264.236.503)	(18.005.490.451)
Vốn chủ sở hữu	65.840.859.360	70.866.973.228
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>(0,32)</u>	<u>(0,25)</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.264.236.503	18.005.490.451
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.140.356.332	1.639.098.962
Tổng cộng	<u>25.404.592.835</u>	<u>19.644.589.413</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.790.730.653	3.877.723.017
Chi phí phải trả	175.756.255	196.126.005
Tổng cộng	<u>7.966.486.908</u>	<u>4.073.849.022</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5	Trên 5	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.264.236.503	-	-	21.264.236.503
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.140.356.332	-	-	4.140.356.332
Cộng	25.404.592.835	-	-	25.404.592.835
Tại ngày 31/12/2013				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.790.730.653	-	-	7.790.730.653
Chi phí phải trả	175.756.255	-	-	175.756.255
Cộng	7.966.486.908	-	-	7.966.486.908
Chênh lệch thanh khoản thuần	17.438.105.927	-	-	17.438.105.927
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5	Trên 5	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.005.490.451	-	-	18.005.490.451
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.639.098.962	-	-	1.639.098.962
Cộng	19.644.589.413	-	-	19.644.589.413
Tại ngày 01/01/2013				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.877.723.017	-	-	3.877.723.017
Chi phí phải trả	196.126.005	-	-	196.126.005
Cộng	4.073.849.022	-	-	4.073.849.022
Chênh lệch thanh khoản thuần	15.570.740.391	-	-	15.570.740.391

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.



Vũ Văn Thiều
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà
Người lập